TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN HỒNG** TỈNH ĐỒNG THÁP	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 27-02-2025
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HỒNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Dưỡng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Văn Luận;

Bà Lương Thị Anh Đào.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Bá Hồng Tân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hồng tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Hữu Định – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 19, 27 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 251/2024/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2024 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 01 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2025/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Trần Thị Cẩm T, sinh năm 2001.

Địa chỉ: Ấp R, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Đặng Văn T1, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Ấp Đ, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

(Tại phiên tòa chị T có mặt, anh T1 vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo lời trình bày của nguyên đơn Trần Thị Cẩm T:** Vào năm 2019 chị T và anh T1 yêu thương nhau, được hai bên gia đình chấp thuận nên tổ chức lễ cưới về chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T,

huyện T, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 30-5-2019. Trong quá trình chung sống có 01 con chung là Đặng Thảo N, sinh ngày 28-11-2019. Chị T và anh T1 sống với nhau thời gian đầu có hạnh phúc nhưng dần về sau thì cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc vì vợ chồng không cùng quan điểm sống nên chị T và anh T1 đã ly thân với nhau từ tháng 4-2024 đến nay không hàn gắn được. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, có sống chung lại cũng không hạnh phúc nên chị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

- Về hôn nhân: Chị T yêu cầu được ly hôn với anh Đặng Văn T1 vì tình cảm vợ chồng không còn.

- Về con chung: Trong đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, chị T yêu cầu được nuôi con chung Đặng Thảo N, sinh ngày 28-11-2019 và yêu cầu anh Đặng Văn T1 cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng. Tại phiên tòa hôm nay chị T xin thay đổi yêu cầu là đồng ý tự nguyện giao con chung Đặng Thảo N, sinh ngày 28-11-2019 cho anh Đặng Văn T1 nuôi dưỡng (hiện nay cháu N cũng đang sống chung với anh T1) và không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Theo lời trình bày của bị đơn Đặng Văn T1:** Anh T2 và chị T yêu thương nhau và cưới nhau về sống chung với nhau với vào năm 2019 và có có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 30-5-2019. Trong quá trình chung sống thì anh T2 và chị T xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống nên anh T3 và chị T đã ly thân từ tháng 4 năm 2024 đến nay không hàn gắn được. Qua yêu cầu của chị T, anh T2 có ý kiến như sau:

- Về hôn nhân: Anh T2 không đồng ý ly hôn với vợ Trần Thị Cẩm T. Vì còn thương vợ thương con và hiện con gái Thảo N đang uống thuốc điều trị bệnh động kinh toàn thể tổn thương não nên anh T2 muốn vợ chồng cùng sống chung để lo chăm sóc con.

- Về con chung: Anh T2 đồng ý là vợ chồng có 01 con chung Đặng Thảo N, sinh ngày 28-11-2019. Anh T2 không đồng ý giao con chung cho chị T nuôi dưỡng và không đồng ý cấp dưỡng. Nếu Tòa án cho ly hôn thì anh T2 yêu cầu được nuôi con chung Thảo Nguyên và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh T2 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:**

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đều đúng, đầy đủ theo quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án:

+ Xét yêu cầu ly hôn của chị T, nhận thấy: Chị T và anh T2 sống chung

có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T Cơ vào năm 2019 nên được pháp luật công nhận. Vợ chồng sống chung có 01 con chung tên Đặng Thảo N1, sinh ngày 28-11-2019. Năm 2024 vợ chồng phát sinh phát sinh mâu thuẩn nên ly thân không sống chung và cũng không gặp nhau để hàn gắn tình cảm. Xét thấy tình trạng hôn nhân của chị T, anh T2 đã đến mức trầm trọng nên yêu cầu ly hôn của chị T được chấp nhận.

+ Về con chung: Xét thấy cháu Thảo N đang sống chung với anh T2 và chị Tiên đồng Ý giao Thảo Nguyên cho anh T2 nuôi dưỡng. Do đó, giao cháu Thảo N cho anh T2 nuôi dưỡng.

+ Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét, giải quyết

+ Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập giải quyết.

Vì các lẽ trên, căn cứ các điều 9, 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị Cẩm T; Chị Trần Thị Cẩm T và anh Đặng Văn T1 được ly hôn; Về con chung: Giao con chung tên Đặng Thảo N, sinh ngày 28-11-2019 cho anh Đặng Văn T1 được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo. Về tài sản chung; nợ chung và cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quy định pháp luật.

Không yêu cầu, kiến nghị khắc phục vi phạm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt các đương sự tại phiên tòa: Tại phiên tòa bị đơn Đặng Văn T1 vắng mặt lần thứ 02 không có lý do, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án là phù hợp với quy định tại các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy chị T và anh T1 tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 30-5-2019 nên quan hệ hôn nhân của chị T và anh T1 là hợp pháp.

Nay chị T khởi kiện xin ly hôn với anh T1, Hội đồng xét xử xét thấy: Theo lời trình bày của anh T1 là vợ chồng anh T1 chị T đã ly thân từ tháng 4-2024 đến nay, đồng thời sau khi thụ lý vụ án thì Tòa án đã tiến hành hòa giải

đoàn tụ nhưng không thành và theo lời trình bày của chị T tại phiên tòa thì từ khi Tòa án hòa giải đến khi xét xử thì anh T1 cũng không gặp chị T để hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Từ những phân tích trên, xét thấy giữa chị T và anh T1 không còn tình cảm với nhau, mâu thuẫn giữa vợ chồng anh, chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của Chị T là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T.

- Về con chung: Trong quá trình giải quyết vụ án chị T và anh T1 thống nhất có 01 con chung tên Đặng Thảo N, sinh ngày 28-11-2019. Tại phiên tòa chị Tiên đồng Ý giao con chung Đặng Thảo N, sinh ngày 28-11-2019 cho anh Đặng Văn T1 nuôi dưỡng vì hiện nay cháu N cũng đang sống chung với anh T1 và không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con. Đồng thời trong quá trình giải quyết vụ án, anh T1 có ý kiến là yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, hiện nay cháu N đang sống chung với anh T1, anh T1 cũng có yêu cầu được nuôi dưỡng cháu N và chị T cũng đồng ý giao cháu N cho anh T1 trực tiếp nuôi dưỡng nên chấp nhận yêu cầu của anh T1 là giao cháu Đặng Thảo N, sinh ngày 28-11-2019 cho anh Đặng Văn T1 được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Trần Thị Cẩm T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Anh Đặng Văn T1 cùng các thành viên gia đình không được cản trở chị Trần Thị Cẩm T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Chị Trần Thị Cẩm T lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì anh Đặng Văn T1 có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của chị Trần Thị Cẩm T.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do anh Đặng Văn T1 không yêu cầu chị Trần Thị Cẩm T thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con và chị Trần Thị Cẩm T không tự nguyện thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

[3] Đối với ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hồng: Xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên chấp nhận ý kiến đề nghị của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án.

[4] Về nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án hôn nhân và gia đình: Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án quy định: "*Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.*", vậy chị Trần Thị Cẩm T phải chịu 300.000 đồng án phí nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu số: 0010331

ngày 23-10-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hồng, chị Trần Thị Cẩm T đã nộp đủ tiền án phí. Anh Đặng Văn T1 không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các điều 5, 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Áp dụng các điều 9, 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Trần Thị Cẩm T.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Cẩm T được ly hôn với anh Đặng Văn T1.

- Về con chung: Giao con chung tên Đặng Thảo N, sinh ngày 28-11-2019 cho anh Đặng Văn T1 được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo. Chị Trần Thị Cẩm T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Anh Đặng Văn T1 cùng các thành viên gia đình không được cản trở chị Trần Thị Cẩm T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Chị Trần Thị Cẩm T lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì anh Đặng Văn T1 có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của chị Trần Thị Cẩm T.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do anh Đặng Văn T1 không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con và chị Trần Thị Cẩm T không tự nguyện thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án hôn nhân gia đình: Chị Trần Thị Cẩm T phải chịu án phí là 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu số: 0010331 ngày 23-10-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hồng, chị Trần Thị Cẩm T đã nộp đủ tiền án phí.

Anh Đặng Văn T1 không phải chịu tiền án phí.

3. Chị Trần Thị Cẩm T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 27-02-2025). Anh Đặng Văn T1 có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự

có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại của Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Tân Hồng;
- CC THADS huyện Tân Hồng;
- UBND xã T (Giấy CNKH số: 59 ngày 30-5-2019);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thị Dưỡng